

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 491/2017/HSPT

Ngày: 19/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Việt Tiên
2. Ông Trương Công Huân

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Ông Võ Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số
430/2017/HSPT ngày 04/8/2017 đối với Nguyễn Anh T, Đặng Văn C và
Đặng Văn T1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ
thẩm số 102/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Củ
Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Anh TU (È), giới tính: Nam; sinh năm: 1991 tại: Thành
phố Hồ Chí Minh; thường trú: Tổ 14, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ
Chí Minh; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông: Nguyễn
Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc M; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 01 con sinh
năm 2016; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Đặng Văn C, giới tính: Nam; sinh năm: 1980 tại: Thành phố Hồ
Chí Minh; thường trú: Tổ 04, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí
Minh; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: không có; con ông Đặng Văn
T2 (chết) và bà Nguyễn Thị R; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn
sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại
ngoại (có mặt).

3. Đặng Văn T1, giới tính: Nam; sinh năm: 1967 tại: Thành phố Hồ
Chí Minh; thường trú: Tổ 09, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí
Minh; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm ruộng; con ông: Đặng Văn
T3 và bà Nguyễn Thị C (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 03 con, lớn

nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 ngày 27/9/2014 Đặng Văn C và Nguyễn Anh TU cùng nhau đi soi rãnh trong khuôn viên công trình xây dựng trang trại chăn nuôi thuộc ấp G, xã T, huyện C do ông Nguyễn Văn C làm chủ, ông Lê Văn N được thuê trông coi công trình, thì cả hai phát hiện đồng thanh sắt xà gồ, TU rủ C cùng lấy trộm số sắt trên. Cả hai lấy được 15 thanh sắt đem về cất giấu tại vườn cây kiểng của Đặng Văn T1. Sáng ngày 28/9/2014 khi T1 cất cỏ phát hiện số sắt trên nên hỏi TU thì được TU kể lại sự việc và muốn bán số sắt đó cho T1. T1 đang có ý định sửa lại chuồng trâu bò nên đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng, TU chia cho C 700.000 đồng, số tiền còn lại TU tiêu xài. Cũng bằng thủ đoạn trên ngày 29/9/2014, TU và C tiếp tục lấy 08 thanh sắt xà gồ về bán cho T1 được 1.000.000 đồng sau đó chia nhau mỗi người 500.000 đồng. Khoảng 11 giờ ngày 17/10/2014 khi T1 và Đặng Văn P chuyển số sắt trên lên xe tải thì bị công an phát hiện bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/11/2014 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận 23 thanh sắt xà gồ có giá 4.780.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 102/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh TU và Đặng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Đặng Văn T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo: Đặng Văn C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: Nguyễn Anh TU 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo: Đặng Văn T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/7/2017 Đặng Văn T1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 07/7/2017 Nguyễn Anh TU kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 10/7/2017 Đặng Văn C kháng cáo xin hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và các bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, Nguyễn Anh TU, Đặng Văn C khai nhận tối ngày 27/9/2014 các bị cáo đi soi rấn thì phát hiện đồng sắt của công trình xây dựng trang trại chăn nuôi, thấy số sắt gà gồ trên không sử dụng đã lâu, tất cả đã rỉ sét nên mới nảy sinh ý định lấy trộm.

Đặng Văn T1 khai nhận do thiếu hiểu biết và cho rằng số sắt trên công trình không sử dụng nữa nên mua về để làm chuồng nuôi trâu. Bị cáo đã mua tổng cộng 23 thanh sắt với giá 2.500.000 đồng, đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Các bị cáo nhận tội và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh TU và Đặng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đặng Văn T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội. Mặc dù tại phiên tòa các bị cáo trình bày các tình tiết giảm nhẹ cũng như hành vi phạm tội do thiếu hiểu biết tuy nhiên mức hình phạt đã tuyên là thỏa đáng, không có cơ sở để xem xét xét đơn kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Xét đơn xin kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" là xét xử đúng người, đúng tội. Xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng để tuyên phạt các bị cáo với mức án như trên là thỏa đáng.

Tuy nhiên, tòa phúc thẩm xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đã nhận lại tài sản nên chưa gây thiệt hại. Các bị cáo phạm tội mang tính bộc phát không có dự mưu từ trước, mức độ phạm tội có hạn chế. Các bị cáo đều thuộc thành phần lao động nghèo, hiện là lao động chính trong gia đình. Bị cáo TU có thời gian tham gia quân ngũ từ tháng 03/2010 đến tháng 8/2011, hiện đang nuôi con nhỏ sinh năm 2016, gia đình bị cáo C có công với cách mạng, bị cáo T1 hiện là lao động chính đang nuôi dưỡng cha già

yếu nên xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đồng thời tạo điều kiện để các bị cáo tiếp tục phụ giúp gia đình do đó chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh TU và Đặng Văn C và Đặng Văn T1. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T và Đặng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Đặng Văn T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo: Nguyễn Anh TU 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo: Đặng Văn C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 250; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo: Đặng Văn T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo TU, C và T1 cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND H. Củ Chi; (1)
- Chi cục THA H. Củ Chi; (1)
- TAND H. Củ Chi; (2)
- Công an H. Củ Chi; (1)
- Bị cáo; (3)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà